TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/DS - ST
Ngày: 05/6/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Bà Nguyễn Thị Tiến và ông Đinh Ngọc Phú.

Thư ký phiên toà: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2026/TLST- DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2026; các thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Bá D, sinh ngày 21/01/1988; căn cước công dân số: 030088012397; Nơi cư trú: Số E N, phường L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh ngày 15/7/1984; căn cước công dân số: 030184008889; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thùy L, sinh ngày 24/7/1991; căn cước công dân số:030191003104; Nơi cư trú: Số E N, phường L, thành phố Hải Phòng. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Bá D trình bày: Anh và chị Lê Thị N có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Năm 2023 chị N có hỏi vay anh tổng số tiền

545.000.000đ vào các ngày: Ngày 01/7/2023 chị N vay của anh số tiền 300.000.000đ. Ngày 21/8/2023 chị N vay của anh số tiền 55.000.000đ. Ngày 30/8/2023 chị N vay của anh số tiền 40.000.000đ. Ngày 07/9/2023 chị N vay của anh số tiền 150.000.000đ. Tất cả những lần chị N vay tiền anh đều chuyển khoản cho chị N. Do tin tưởng nên hai bên không viết giấy tờ vay mượn mà chỉ nhắn tin cho nhau. Quá trình vay nợ, tính đến ngày 12/8/2025, chị N đã thanh toán trả anh được tổng số tiền 205.000.000đ. Tổng số tiền còn lại là: 340.000.000đ. Từ đó đến nay chị N không thanh toán trả anh thêm khoản tiền nào khác, rất nhiều lần anh đã đến tìm chị N để yêu cầu chị N thanh toán trả số tiền còn nợ nhưng chị N đều khất lần và không thanh toán. Ngày 15/10/2025, sau nhiều lần yêu cầu chị N trả nợ không được, anh đã có thông báo bằng vay bản gửi tới chị N, yêu cầu chị N phải trả số tiền trên trước ngày 15/11/2025, nhưng đến nay chị N vẫn không thực hiện. Do vậy, Anh khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N phải thanh toán trả cho anh số tiền đã vay là 340.000.000đ. Ngoài ra anh không yêu cầu chị N phải trả anh số tiền lãi.

Theo biên bản lấy lời khai, văn bản trình bày ý kiến bị đơn chị Lê Thị N trình bày: Do trước kia vợ anh D có làm cùng cơ quan Quỹ tín dụng nhân dân Tiền T ở địa chỉ phường N, thành phố Hải Phòng nên chị có quen biết với anh D. Chị biết anh D có điều kiện và hay đầu tư kinh doanh. Năm 2023, do muốn đầu tư đất ở trong Đà Nẵng cùng với em trai nên chị có hỏi vay anh D tổng số tiền 545.000.000đ trong đó cụ thể các lần vay như sau: Ngày 01/7/2023 chị N vay của tôi số tiền 300.000.000đ. Ngày 21/8/2023 chị N vay của tôi số tiền 55.000.000đ. Ngày 30/8/2023 chị N vay của tôi số tiền 40.000.000đ. Ngày 07/9/2023 chị N vay của tôi số tiền 150.000.000đ. Do tin tưởng nên giữa hai bên chỉ nhắn tin, không viết giấy tờ vay nợ. Tất cả những lần chị vay tiền, anh D đều chuyển khoản cho chị. Quá trình vay nợ, tính đến ngày 12/8/2025, chị đã thanh toán trả cho anh D được tổng số tiền 205.000.000đ. Tổng số tiền còn lại là: 340.000.000đ. Từ đó đến nay do việc đầu tư đất của em trai tôi không thành công dẫn đến việc không đủ khả năng để thanh toán trả nợ cho anh D. Chị xác định việc chị vay mượn tiền của anh D là việc riêng của chị, chị sử dụng vào mục đích riêng, không liên quan gì đến chồng chị. Ngày 15/10/2025, anh D đã có thông báo bằng văn bản gửi tới chị, yêu cầu chị phải trả số tiền trên cho anh D trước ngày 15/11/2025, nhưng do không có điều kiện nên chị chưa thanh toán được. Chị cũng đề nghị với anh D là sẽ trả dần cho anh D hàng tháng cho đến

khi trả hết nợ nhưng anh D không đồng ý. Nay anh D khởi kiện yêu cầu chị phải trả cho anh D số tiền còn nợ là 340.000.000đ, quan điểm của chị là đồng ý trả nợ số tiền trên cho anh D. Tuy nhiên, anh D yêu cầu chị phải trả số tiền trên một lần thì chị không có khả năng trả nợ vì hiện nay chị còn nợ ở nhiều nơi, nên chị chỉ có khả năng trả cho anh D hàng tháng với số tiền 5.000.000/tháng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Phạm Thùy L trình bày: Chị là vợ của anh Phạm Bá D còn chị Lê Thị N thì có mối quan hệ quen biết với chị từ trước vì thời điểm năm 2012 chị có làm việc cùng với chị N tại Quỹ tín dụng nhân dân Tiền T có trụ sở tại xã T, huyện T cũ nên có quen biết chị N. Sau này, vợ chồng chị xây dựng nhà cửa cũng đều vay mượn tiền tại Qũy tín dụng. Sau khi làm việc tại Quỹ tín dụng được vài tháng thì chị có xin nghỉ việc để làm công việc khác. Thời điểm chị còn làm tại Quỹ tín dụng, chồng chị là anh Phạm Bá D cũng thỉnh thoảng đến quỹ tín dụng để giao dịch vay mượn tiền nên cũng có quen biết với chị N. Sau này, giữa chồng chị (Phạm Bá D) và chị N có thỉnh thoảng cho nhau vay mượn tiền, chị chỉ biết có việc anh D cho chị N vay mượn tiền còn cụ thể như thế nào thì chị không nắm được. Vừa qua chị có nghe anh D nói lại chị N hiện vẫn còn nợ số tiền là 340.000.000đ và có khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu chị N phải thanh toán trả số tiền trên.Chị xác định số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng nên quan điểm của chị đồng ý với quan điểm của anh D là yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả cho vợ chồng chị số tiền còn nợ là 340.000.000đ và không yêu cầu chị N phải trả số tiền lãi.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Phạm Bá D, bị đơn chị Lê Thị N có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thùy L, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá D. Xử buộc chị Lê Thị N phải trả anh Phạm Bá D số tiền 340.000.000đồng.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 17.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn chị Lê Thị N hiện sinh sống tại phường N, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về xác định số nợ và yêu cầu trả nợ:

Theo lời trình bày của các đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Từ ngày 01//7/2023 đến ngày 07/9/2023, chị Lê Thị N đã nhiều lần vay tiền của anh Phạm Bá D với tổng số tiền 545.000.000đ. Quá trình vay tiền, các bên không lập hợp đồng vay bằng văn bản, không viết giấy vay nợ mà chủ yếu trao đổi, thỏa thuận thông qua tin nhắn điện thoại. Tuy nhiên, đến nay các bên đều không còn lưu giữ được các tin nhắn nên không cung cấp được cho Tòa án. Mặc dù không có hợp đồng vay bằng văn bản và cũng không cung cấp được nội dung tin nhắn trao đổi, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị N thừa nhận có việc vay tiền của anh D nhiều lần với tổng số tiền 545.000.000đ và các bên đều xác định chị N đã trả được 205.000.000đ, còn nợ lại 340.000.000đ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. HĐXX xét thấy, theo quy định pháp luật, hợp đồng vay tài sản có thể được xác lập bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Việc các bên không lập văn bản vay nợ không làm vô hiệu giao dịch vay tài sản khi các bên đều thừa nhận có việc vay và còn nợ tiền. Như vậy, có căn cứ xác định giữa anh D và chị N đã xác lập giao dịch vay tài sản hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh D xác định số tiền anh D cho chị N vay là tài sản chung vợ chồng giữa anh và chị Phạm Thùy L, được sử dụng nhằm mục đích chung của gia đình, chị L cũng đồng ý với quan điểm của anh D; còn chị N xác định việc chị vay tiền anh D là việc riêng của chị, chị vay sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan gì đến chồng chị, mặt khác anh D cũng không yêu cầu chồng chị N cùng có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, không có căn cứ xác định

đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng chị N nên không xem xét buộc chồng chị N liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi vay tiền, chị N đã thực hiện trả một phần nghĩa vụ nhưng chưa thanh toán hết khoản nợ còn lại mặc dù anh D đã nhiều lần yêu cầu chị N trả nợ. Ngày 15/10/2025, anh D đã thông báo yêu cầu chị N thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại trước ngày 15/11/2025, tuy nhiên chị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định pháp luật, bên vay tài sản có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn; trường hợp không có khả năng trả nợ thì vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ dân sự đối với bên cho vay. Việc chị N trình bày chỉ có khả năng trả anh D dần hàng tháng với số tiền 5.000.000đ/tháng, đây là khó khăn riêng của bị đơn, không được nguyên đơn đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật để buộc nguyên đơn phải chấp nhận phương thức trả dần.

Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Bá D, buộc bị đơn chị Lê Thị N phải thanh toán trả cho vợ chồng anh D, chị L số tiền còn nợ là: 340.000.000đ.

[**2.2]. Về tiền lãi**: Anh Phạm Bá D không yêu cầu chị Lê Thị N phải trả lãi đối với khoản nợ trên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Bá D được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Phạm Bá D và chị Phạm Thùy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 ; Điều 357, Điều 463, Điều Điều 466, Điều 468 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí, lệ phí 2015: ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Bá D: Buộc bị đơn chị Lê Thị N phải trả anh Phạm Bá D số tiền 340.000.000đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng)

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 8- Hải Phòng;*
- *Phòng thi hành án dân sự KV8 -TP Hải Phòng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh